

Biểu mẫu 02

UBND PHƯỜNG CHÁNH HIỆP
TRƯỜNG MẦM NON HOA CÚC

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	249			24	43	80	102
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	249			24	43	80	102
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	249			24	43	80	102
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe							
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng							
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường				23	39	75	88
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân				1	1	1	2
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi				1	1	3	2
	Trong đó trẻ suy dinh dưỡng 2 thể				1	1		1
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm							2
5	Số trẻ thừa cân					3	1	5
6	Số trẻ béo phì						3	5
7	Số trẻ có chiều cao bình thường				23	37	69	84
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	249			24	43	80	102
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				24			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	249				43	80	102

Chánh Hiệp, ngày 16 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Phúc Hậu

Biểu mẫu 03

UBND PHƯỜNG CHÁNH HIỆP
TRƯỜNG MẦM NON HOA CÚC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025 -2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	17	-
1	Phòng học kiên cố	17	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	8579 m ²	33,51 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1190 m ²	4,64 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	554.6 m ²	2,23 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	172.6 m ²	0,69 m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	178.04 m ²	0,72 m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	73,5 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	74,5 m ²	
7	Diện tích phòng máy tính (trẻ làm quen với thiết bị thông minh)	108.4 m ²	
8	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	255.09 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	1
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	14	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	80	20 Bộ máy tính bàn 20 Máy tính bảng 13 Ti vi thường 13 Bộ ti vi cảm ứng 14 Đàn



X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	10	Bộ đồ dùng đồ chơi tối thiểu 1 bộ Nhóm 1 2 Bộ lớp mầm 3 Bộ lớp chồi 4 Bộ lớp lá
----------	--	----	---

		Số lượng (m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10	0	10	0	0,69
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

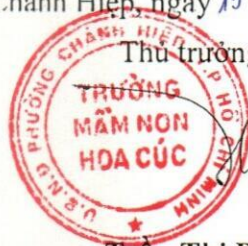
(* Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/ TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	



Chánh Hiệp, ngày 15 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Phúc Hậu

Biểu mẫu 04

UBND PHƯỜNG CHÁNH HIỆP
TRƯỜNG MẦM NON HOA CÚC

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025 - 2026**

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Bồi dưỡng hàng năm	
			TS	ThS	ĐH	CĐ	T C	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Kh á	Đạt	Chưa đạt	Hoàn thành	Khôn g hoàn thành
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	34			12	13		4		18	5	9	14			23	
I	Giáo viên	20			9	11				17	3	6	14			20	
1	Nhà trẻ	2			0	2				2		1	1			2	
2	Mẫu giáo	20			9	9				15	3	5	13			18	
II	Cán bộ quản lý	3			2	1				1	2	3				3	
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1				1	
2	Phó hiệu trưởng	2			1	1				1	1	2				2	
III	Nhân viên	11			1	1		4									
1	Nhân viên văn thư Thủ quỹ	1			1												
2	Nhân viên kế toán	1				1											
3	Nhân viên cấp dưỡng	5						4									
4	Nhân viên bảo vệ	2															
5	Nhân viên phục vụ	2															

Chánh Hiệp, ngày 15 tháng 9 năm 2025

Hiệu Trưởng



Trần Thị Phúc Hậu